

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, quản lý đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, quản lý đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí quản lý và thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Hộp thư điện tử: phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: HC, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hùng



QUY ĐỊNH
Một số định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, quản lý đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số 07 /2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định một số định mức trong việc lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quản lý nhiệm vụ KH&CN; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, các tổ chức, cá nhân có thể tham khảo Quy định này để lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Định mức này áp dụng cho các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Các định mức chỉ khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 4 Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 6. Dự toán chi tiền công lao động trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Tiền công lao động trực tiếp của các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo công thức sau:

a) $Tc = Lcs \times Snc \times Hstcn$. Trong đó:

- Tc: Dự toán tiền công của chức danh.
- Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định.
- Snc: Số ngày công của từng chức danh.
- Hstcn: Hệ số tiền công ngày của từng chức danh KH&CN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)					
		Đến 100.000		Trên 100.000 - 1.000.000		Trên 1.000.000	
		Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,43	0,24	0,55	0,39	0,63	0,50
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	0,27	0,15	0,34	0,24	0,39	0,31
3	Thành viên	0,14	0,08	0,18	0,13	0,20	0,16
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,09	0,05	0,11	0,08	0,13	0,10

b) Trong từng trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các chức danh nêu trên.

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại Điều a, b, c Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

2. Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

3. Dự toán tiền công lao động trực tiếp của các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được xây dựng trên cơ sở cấu trúc Bản Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 7. Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Thuê chuyên gia trong nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia và nêu rõ các nội dung thuê chuyên gia trong nước trong Bản Thuyết minh để Hội đồng KH&CN chuyên ngành tư vấn xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng khoán công việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước được quy định như sau:

- Tổng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đến 100 triệu đồng: Mức dự toán thuê chuyên gia không vượt quá 22 triệu đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

- Tổng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên 100 - 1.000 triệu đồng: Mức dự toán thuê chuyên gia không vượt quá 28 triệu đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

- Tổng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên 1.000 triệu đồng: Mức dự toán thuê chuyên gia không vượt quá 32 triệu đồng/người/tháng (22 ngày làm việc/tháng).

b) Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Thuê chuyên gia ngoài nước

a) Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện để thương thảo mức tiền thuê chuyên gia và nêu rõ trong Bản Thuyết minh về kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để Hội đồng KH&CN tư vấn xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng khoán công việc.

b) Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không vượt quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 6 của Quy định này.

3. Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia vượt quá định mức quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều này phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 8. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; sửa chữa, mua sắm tài sản cố định

Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; sửa chữa, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 9. Dự toán chi Hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu; điều tra, khảo sát thu thập số liệu; họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức dự toán					
			Đến 100.000		Trên 100.000 - 1.000.000		Trên 1.000.000	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
I	Chi Hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu							
1	Người chủ trì Hội thảo	Buổi	850	500	1.100	800	1.200	1.000
2	Thư ký Hội thảo	Buổi	300	200	350	250	400	320
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo (gồm: Báo cáo viên và Báo cáo khoa học)	Báo cáo	1.100	600	1.400	1.000	1.600	1.300
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	550	300	700	500	800	650
5	Thành viên tham gia Hội thảo	Người/ Buổi	110	60	140	100	160	130
II	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu							
1	Lập mẫu Phiếu điều tra	Phiếu điều tra được duyệt						
a	Đến 30 chỉ tiêu		400	220	550	400	600	500
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		550	300	700	500	800	650

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức dự toán					
			Đến 100.000		Trên 100.000 - 1.000.000		Trên 1.000.000	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
c	Trên 40 chi tiêu		850	500	1.100	800	1.200	1.000
2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra	Phiếu						
a	Cá nhân							
-	Đến 30 chi tiêu		30	20	30	20	30	20
-	Trên 30 chi tiêu đến 40 chi tiêu		40	30	40	30	40	30
-	Trên 40 chi tiêu		50	40	50	40	50	40
b	Tổ chức							
-	Đến 30 chi tiêu		70	60	70	60	70	60
-	Trên 30 chi tiêu đến 40 chi tiêu		85	75	85	75	85	75
-	Trên 40 chi tiêu		100	90	100	90	100	90
III	Chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN							
1	Chi hợp Hội đồng	Nhiệm vụ						
a	Chủ tịch Hội đồng		300		450		600	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		250		300		400	
c	Thư ký hành chính		90		120		150	
d	Đại biểu được mời tham dự		50		60		80	
2	Chi nhận xét đánh giá	01 Phiếu nhận xét đánh giá						
a	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		200		250		300	
b	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		120		150		200	

2. Chi Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN 5% tổng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại đơn vị chủ trì; tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN). Mức tối đa không quá 80 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và 40 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Các nội dung chi liên quan khác không quy định tại Định mức nêu trên thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các Hội nghị, Hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê và các quy định hiện hành; Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức Hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Chương III **NỘI DUNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH MỨC** **XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI VỚI** **CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 10. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 11. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN; Tổ chuyên viên đánh giá hiệu quả nhân rộng/ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức dự toán	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
I	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
1	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
a	Chủ tịch Hội đồng		800	650
b	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		650	550
c	Thư ký hành chính		250	200

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức dự toán	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
d	Đại biểu được mời tham dự		160	130
2	Chi nhận xét đánh giá	01 Phiếu nhận xét đánh giá		
a	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	320
b	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		250	200
II	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì; đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
1	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì; đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
a	Chủ tịch Hội đồng		1.200	1.000
b	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800	650
c	Thư ký hành chính		250	200
d	Đại biểu được mời tham dự		160	130
2	Chi nhận xét đánh giá	01 Phiếu nhận xét đánh giá		
a	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		600	500
b	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		400	320
III	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	600	500
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400	320
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	130

2. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Tổng dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa không quá 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do Giám đốc Sở KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Dự toán chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (Báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác), công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết

quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở KH&CN để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hùng